

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,331,744,630,450	1,483,232,225,803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,136,322,050	46,397,315,140
1. Tiền	111		23,136,322,050	46,397,315,140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		678,416,133,849	38,907,661,978
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	678,416,133,849	38,907,661,978
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		969,271,696,032	581,893,491,741
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	923,958,886,855	545,440,895,746
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	36,152,650,044	26,351,448,769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	10,662,154,821	11,603,142,914
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,501,995,688)	(1,501,995,688)
IV. Hàng tồn kho	140		599,718,472,388	756,593,993,234
1. Hàng tồn kho	141	V.7	640,821,672,374	813,773,350,635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(41,103,199,986)	(57,179,357,401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61,202,006,131	59,439,763,710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	160,373,263	819,957,655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32,630,417,077	36,469,158,047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	789,467,495	127,746,901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	27,621,748,296	22,022,901,107

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		970,617,716,216	683,078,673,280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		406,935,844,112	440,161,706,386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	293,167,880,281	339,477,637,122
<i>Nguyên giá</i>	222		714,142,295,569	695,100,156,264
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(420,974,415,288)	(355,622,519,142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	55,101,836,784	50,076,757,445
<i>Nguyên giá</i>	228		57,050,010,140	51,787,172,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,948,173,356)	(1,710,414,795)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	58,666,127,047	50,607,311,819
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		517,412,762,232	195,874,499,459
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	549,856,533,184	228,232,041,558
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	2,767,830,567	7,697,000,726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(35,211,601,519)	(40,054,542,825)
V. Tài sản dài hạn khác	260		46,269,109,872	47,042,467,435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	45,065,648,247	45,839,005,810
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,302,362,346,666	2,166,310,899,083

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,562,230,492,273	832,903,438,271
I. Nợ ngắn hạn	310		1,562,230,492,273	832,903,438,271
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,142,103,644,329	253,422,846,926
2. Phải trả người bán	312	V.20	130,704,139,689	242,796,038,230
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	15,695,301,425	5,533,629,938
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	69,504,445,420	9,806,399,100
5. Phải trả người lao động	315	V.23	49,660,752,873	48,670,480,531
6. Chi phí phải trả	316	V.24	6,381,104,637	5,038,511,051
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	48,552,157,904	164,071,969,454
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	56,528,945,996	60,463,563,041
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,740,131,854,393	1,333,407,460,812
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,740,131,854,393	1,333,407,460,812
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	616,027,030,000	614,049,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	970,510,039,748	565,763,546,167
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,302,362,346,666	2,166,310,899,083

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		378,458.70	1,722,175.75
Euro (EUR)		254.48	273.78
Nhân dân tệ (CNY)		3,436.00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

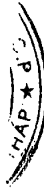
Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2014



Hà TPT Hồng Nhung
Hà TPT Hồng Nhung
Người lập

Hà TPT Hồng Nhung
Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,444,868,310,932	1,166,156,408,401	3,514,208,401,566	3,321,517,795,520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	810,025,484	-	2,294,428,935	8,201,563,708
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,444,058,285,448	1,166,156,408,401	3,511,913,972,631	3,313,316,231,812
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,246,048,460,454	1,044,835,718,354	3,086,438,477,977	2,970,897,702,039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		198,009,824,994	121,320,690,047	425,475,494,654	342,418,529,773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	452,202,215,340	30,583,903,380	643,340,573,264	85,117,063,848
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	219,442,063,155	31,622,401,355	229,640,814,701	67,824,681,280
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,834,336,550	22,940,400,348	15,367,806,444	50,555,604,976
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	67,946,533,930	56,965,121,194	175,506,594,568	166,431,136,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13,383,259,104	12,435,675,793	37,386,067,825	34,453,387,422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		349,440,184,145	50,881,395,085	626,282,590,824	158,826,388,109
11. Thu nhập khác	31	VI.7	611,359,834	4,889,831,456	1,496,420,685	5,063,734,268
12. Chi phí khác	32	VI.8	23,847,719,043	438,222,146	27,533,321,821	2,187,623,661
13. Lợi nhuận khác	40		(23,236,359,209)	4,451,609,310	(26,036,901,136)	2,876,110,607

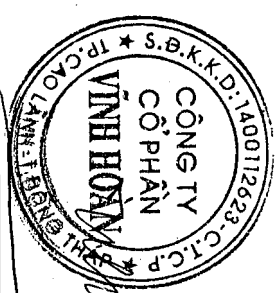


14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	326,203,824,936	55,333,004,395	600,245,689,688	161,702,498,716
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21 73,841,908,789	12,098,718,600	95,189,951,607	35,729,440,415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	252,361,916,147	43,234,285,795	505,055,738,081	125,973,058,301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Nhung
 Hà TPT Hồng Nhung
 Người lập

Nhung
 Hà TPT Hồng Nhung
 Kế toán trưởng



Nhung
 Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		600,245,689,688	161,702,498,716
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	65,589,654,707	59,127,556,531
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	(20,919,098,721)	4,411,085,910
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(188,527,191,305)	(74,488,438,780)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15,367,806,444	50,555,604,976
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		471,756,860,813	201,308,307,353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(384,559,635,649)	(150,281,959,804)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		172,951,678,261	86,728,760,877
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(205,984,060,487)	144,053,909,070
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,432,941,955	(2,013,814,715)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24,VI.4	(15,367,806,444)	(51,274,382,097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(34,885,225,270)	(21,081,728,771)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	143,852,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11,956,717,045)	(9,501,535,538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,611,963,866)	198,281,432,817
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12, V.13,VII	(37,640,994,515)	(93,697,862,670)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		442,615,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,013,685,134,498)	(336,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		374,198,893,271	296,621,928,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(316,695,321,467)	(34,664,162,850)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187,470,908,381	34,378,193,484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(805,909,033,828)	(133,461,904,036)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	3,284,217,704,527	3,728,376,055,787
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(2,404,648,455,423)	(3,784,074,773,165)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(90,309,244,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		789,260,004,604	(55,698,717,378)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23,260,993,090)	9,120,811,403
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46,397,315,140	27,875,810,695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	538,242,678
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	23,136,322,050	37,534,864,776

Hà TPT Hồng Nhung

Hà TPT Hồng Nhung
Người lập

Hà TPT Hồng Nhung

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2014

Trương Thị Lệ Khanh
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 06

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2014 : 21.246 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.645.760.488	1.974.318.353
Tiền gửi ngân hàng	17.490.561.562	44.422.996.787
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>23.136.322.050</u>	<u>46.397.315.140</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	415.148.342.720	240.977.578
Cho Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	199.700.000.000	-
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	63.567.791.129	38.666.684.400
Cộng	<u>678.416.133.849</u>	<u>38.907.661.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	105.070.204.593	23.728.781.887
Các khách hàng nước ngoài	818.888.682.262	521.712.113.859
Cộng	<u>923.958.886.855</u>	<u>545.440.895.746</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	29.403.546.103	23.777.737.898
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	6.749.103.941	2.573.710.871
Cộng	<u>36.152.650.044</u>	<u>26.351.448.769</u>

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa với số tiền là 15.664.600.000 VNĐ

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Vĩnh Hoàn Collagen 5 – lãi cho vay phải thu	3.208.333.333	-
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1- phải thu cổ tức		6.995.004.000
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2 – lãi cho vay phải thu	768.175.681	821.750.103
Công ty TNHH Thực Phẩm Vạn Đức – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	533.043.825
Công Ty TNHH 1TV CBTP XK Vạn Đức Tiền Giang – ứng tiền xuất khẩu ủy thác	6.546.369.994	-
Công Ty TNHH MTV Tổng công ty Lương Thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	3.235.336.800
Các khoản phải thu khác	139.275.813	18.008.186
Cộng	<u>10.662.154.821</u>	<u>11.603.142.914</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên liệu, vật liệu	54.067.737.225	63.783.349.502
Công cụ, dụng cụ	2.507.636.000	2.914.268.859
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	308.568.749.060	394.931.301.942
Thành phẩm	275.677.550.089	333.709.391.170
Hàng hóa	-	7.974.002
Hàng gửi đi bán	-	7.293.225.742
Cộng	<u>640.821.672.374</u>	<u>813.773.350.635</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu kỳ	57.179.357.401
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(16.076.157.415)
Số cuối kỳ	41.103.199.986

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	27.509.642.296	21.653.795.107
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.106.000	369.106.000
Cộng	27.621.748.296	22.022.901.107

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	292.997.620.395	387.383.665.180	13.543.749.679	1.175.121.010	695.100.156.264
Đầu tư xây dựng hoàn thành	7.848.317.551	1.873.950.670	-	-	9.722.268.221
Mua sắm mới	1.648.771.258	5.431.471.909	2.838.272.727	175.214.000	10.093.729.894
Thanh lý, nhượng bán		(392.615.000)	(381.243.810)		(773.858.810)
Số cuối kỳ	302.494.709.204	394.296.472.759	16.000.778.596	1.350.335.010	714.142.295.569
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	84.895.605.660	263.602.778.249	6.122.763.403	1.001.371.830	355.622.519.142
Khấu hao trong kỳ	24.558.550.090	39.342.596.064	1.706.532.236	125.461.566	65.733.139.956
Giảm khấu hao		(582.226.657)	200.982.847		(381.243.810)
Số cuối kỳ	109.454.155.750	302.363.147.656	8.030.278.486	1.126.833.396	420.974.415.288
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	208.102.014.735	123.780.886.931	7.420.986.276	173.749.180	339.477.637.122
Số cuối kỳ	193.040.553.454	91.933.325.103	7.970.500.110	223.501.614	293.167.880.281

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 89.300.613.254 VND và 10.877.218.876 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	51.081.942.450	705.229.790	51.787.172.240
Mua trong kỳ	5.126.117.900	136.720.000	5.262.837.900
Giảm trong kỳ	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ	56.208.060.350	841.949.790	57.050.010.140
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	1.136.594.355	573.820.440	1.710.414.795
Khấu hao trong kỳ	195.454.163	42.304.398	237.758.561
Số cuối kỳ	1.332.048.518	616.124.838	1.948.173.356
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	49.945.348.095	131.409.350	50.076.757.445
Số cuối kỳ	54.876.011.832	225.824.952	55.101.836.784

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 3.886.411.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	45.602.468.000	6.469.137.760	(5.126.117.900)	(117.470.100)	46.828.017.760
Xây dựng cơ bản dở dang	5.004.843.819	17.089.210.189	(9.913.687.621)	(342.257.100)	11.838.109.287
Chi phí cho các ao nuôi cá	2.513.617.322	16.007.999.721	(6.710.405.837)		11.811.211.206
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.491.226.497	1.081.210.468	(3.203.281.784)	(342.257.100)	26.898.081
Cộng	50.607.311.819	23.558.347.949	(15.039.805.521)	(459.727.200)	58.666.127.047

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	-	6.945.375	52.003.709.506	
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱ⁾		8.651.533.184	8.651.533.184	
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱ⁾		99.300.000.000	99.300.000.000	
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		305.000.000	305.000.000	
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(iv)	8.500.000	85.000.000.000	6.797.180	67.971.798.868
Công ty Cổ phần TPXK VĐ Tiền Giang ^(v)	25.302.396	356.600.000.000		-
Cộng		549.856.533.184		228.232.041.558

Ngày 31 tháng 7 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn của Công ty vào Công Ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 21.000.000 cổ phần cho Pilmico International Pte.Ltd với giá chuyển nhượng là USD 19,600,000.00.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 17.028.201.132 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 85.000.000.000 VND tương đương 85% vốn điều lệ (số đầu năm là 67.971.798.868 VND, tương đương 97,14% vốn điều lệ).
- (v) Ngày 07/08/2014 Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn mua lại 99.06% cổ phần của bà Trương Thị Lệ Khanh tại Cty Cổ Phần TPXK Vạn Đức Tiền Giang .

Trong năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401711796 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của các Công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	32.182.107.548	20.362.213.861
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	-	19.148.931.121
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	3.029.493.971	543.397.843
Cộng	35.211.601.519	40.054.542.825

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	40.054.542.825
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.842.941.306)
Số cuối kỳ	35.211.601.519

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	38.445.648.059	11.756.696.990	(11.207.098.321)	38.995.246.728
Tiền thuê đất	7.393.357.751	285.225.000	(1.608.181.232)	6.070.401.519
Cộng	<u>45.839.005.810</u>	<u>12.041.921.990</u>	<u>(12.815.279.553)</u>	<u>45.065.648.247</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
– Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp- An Giang	-	3.200.000.000
– Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	982.807.259.426	250.222.846.926
– Ngân hàng HSBC TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	159.296.384.903	-
– Ngân hàng NATIXIS – chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh	-	-
Cộng	<u>1.142.103.644.329</u>	<u>253.422.846.926</u>

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2. (xem thuyết minh V.2, V.11, V.12)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	253.422.846.926
Số tiền vay phát sinh	3.284.217.704.527
Số tiền vay đã trả	(2.404.648.455.423)
Chênh lệch tỷ giá	9.111.548.299
Số cuối năm	<u>1.142.103.644.329</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	128.296.812.469	240.545.188.778
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.407.327.220	2.250.849.452

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Cộng	130.704.139.689	242.796.038.230		
21. Người mua trả tiền trước				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Các khách hàng trong nước	7.025.926.467	643.144.517		
Các khách hàng nước ngoài	8.669.374.958	4.890.485.421		
Cộng	15.695.301.425	5.533.629.938		
22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.661.444.324	(7.712.792.762)	(51.348.438)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(127.746.901)	116.529.798	(717.260.650)	(728.477.753)
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	9.248.089.195	95.113.201.607	(34.885.225.270)	69.476.065.532
Thuế thu nhập cá nhân	558.309.905	4.397.595.683	(4.927.525.700)	28.379.888
Tiền thuê đất(*)	-	1.967.969.313	(1.977.610.617)	(9.641.304)
Các loại thuế khác	-	1.715.860.172	(1.715.860.172)	-
Cộng	9.678.652.199	110.972.600.897	(51.936.275.171)	68.714.977.925

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 09 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	237.711.705	237.711.705
Chi phí vận chuyển	2.502.830.000	1.686.503.582
Chi phí khác	3.640.562.932	3.114.295.764
Cộng	<u>6.381.104.637</u>	<u>5.038.511.051</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	63.031.425	28.260.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	9.728.874.928	7.549.230.208
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.338.325.411	3.975.834.292
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	92.059.995.316
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	33.229.008.734	58.487.601.640
Công ty TNHH Lâm Gia Huỳnh Đệ – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu -	2.015.494.952	784.900.109
Các khoản phải trả khác	1.177.422.454	1.186.147.889
Cộng	<u>48.552.157.904</u>	<u>164.071.969.454</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	56.835.112.346	10.000.000.000	(10.306.166.350)	56.528.945.996
Quỹ phúc lợi	3.628.450.695	-	(3.628.450.695)	-
Cộng	<u>60.463.563.041</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>(13.934.617.045)</u>	<u>56.528.945.996</u>

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	475.112.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	591.274.509.283	1.219.982.023.928
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	133.156.938.617	133.156.938.617
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(19.731.501.733)	(19.731.501.733)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	138.936.400.000			- (138.936.400.000)	-
Số dư cuối năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
Số dư đầu năm nay	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng	1.977.900.000				1.977.900.000
Lợi nhuận trong kỳ		-		505.055.738.081	505.055.738.081
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Số dư cuối năm trước	616.027.030.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	970.510.039.748	1.740.131.854.393

Cổ tức:

Cổ tức đã chi trả trong kỳ: 90.309.244.500

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.602.703	61.404.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.602.703	61.404.913
- Cổ phiếu phổ thông	61.602.703	61.404.913
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.403.953	60.206.163
- Cổ phiếu phổ thông	60.403.953	60.206.163
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	3.514.208.401.566	3.321.517.795.520
- Doanh thu bán hàng hóa	521.707.799.106	748.198.328.737

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu bán thành phẩm	2.473.207.172.028	2.138.253.830.557
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.241.507.495	38.742.977.640
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	5.258.617.200	6.867.673.281
- Doanh thu bán phụ phẩm	467.793.305.737	389.454.985.305

Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.294.428.935)	(8.201.563.708)
- Giảm giá hàng bán	(88.828.451)	(2.501.181.200)
- Hàng bán bị trả lại	(2.205.600.484)	(5.700.382.508)

Doanh thu thuần	3.511.913.972.631	3.313.316.231.812
------------------------	--------------------------	--------------------------

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	521.707.799.106	748.190.667.937
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.471.001.571.544	2.131.892.791.649
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	46.241.507.495	38.742.977.640
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	5.258.617.200	6.867.673.281
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	467.704.477.286	387.622.121.305

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn hàng hóa	500.485.245.791	721.971.504.321
Giá vốn thành phẩm	2.182.142.453.834	1.880.596.377.603
Giá vốn nguyên liệu	5.858.470.659	6.847.869.303
Giá vốn phụ phẩm	414.028.465.108	363.092.153.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.076.157.415)	(1.610.202.199)
Cộng	3.086.438.477.977	2.970.897.702.039

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.365.142	60.239.916.853
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	117.840.663	113.560.437
Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.350.120.000	-
Doanh thu chuyển nhượng cổ phần	420.093.191.768	-
Lãi tiền cho vay	11.406.710.496	9.552.358.493
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	2.213.035.667	4.696.163.434
Lãi thức ăn thanh toán chậm	462.254.602	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.690.054.926	10.515.064.631
Cộng	643.340.573.264	85.117.063.848

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	15.367.806.444	50.555.604.976
Giảm giá đầu tư vào công ty con	210.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(4.842.941.306)	4.380.544.225
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.115.949.563	12.888.532.079
Cộng	229.640.814.701	67.824.681.280
5. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên	6,119,444,182	4.871.772.269
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	41,724,800	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	114,114,303	94.611.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111,028,788,707	95.338.490.601
Chi phí khác	58,202,522,576	66.126.262.815
Cộng	175,506,594,568	166.431.136.810
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	15,949,899,326	13.709.493.606
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,537,093,102	934.827.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,721,524,510	4.246.442.574
Thuế, phí và lệ phí	2,128,630,853	1.653.580.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98,000,000	221.897.000
Chi phí khác	11,950,920,034	13.687.145.901
Cộng	37,386,067,825	34.453.387.422
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Các khoản nợ không phải trả	39.416.871	16.283.562
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ	442.615.000	-
Thu nhập khác	1.014.388.814	5.047.450.706
Cộng	1.496.420.685	5.063.734.268
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	392.615.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	48.183.884	16.821.428
Chi phí chuyển nhượng Cty TATS Vĩnh Hoàn 1	15.996.396.325	-
Chi phí khác	11.096.126.612	2.170.802.233

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm 2014	Năm 2013
Cộng	<u>27.533.321.821</u>	<u>2.187.623.661</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mua nguyên vật liệu	-
Bán hàng hóa	-
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên vật liệu	4.522.475.920
Bán hàng hóa	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	<u>286.387.046</u>	<u>20.000.000</u>
Cộng nợ phải thu	<u>286.387.046</u>	<u>20.000.000</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	-
Các cá nhân có liên quan	-	825.795.280
Cộng nợ phải trả	-	<u>825.795.280</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Từ ngày 1/1/2014 đến 31/7/2014 công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức. Từ 01/08/2014 là công ty con của Cty Cổ phần Vĩnh Hoàn.

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

<i>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</i>	
Mua hàng hóa	28.170.254.971
Mua tài sản	841.904.000
Bán hàng hóa	87.736.654.515
Cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	27.218.524.709
Bán tài sản	392.615.000
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	257.289.606.758
Cho vay ngắn hạn	180.100.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	3.427.933.001
<i>Công ty cp Vĩnh Hoàn Collagen 5</i>	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.000.000
Cho vay ngắn hạn	202.200.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	3.208.333.333
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>	
Bán thành phẩm	1.361.064.065.273
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	306.319.954.597
<i>Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức</i>	
Mua hàng hóa, dịch vụ	5.525.748.871
Bán thành phẩm	12.559.645.443
Bán hàng hóa, dịch vụ	277.975.062
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	4.214.115.585
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	8.982.752.271
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	
Cung cấp dịch vụ	18.129.300.901
Bán nguyên vật liệu	32.575.266.425
Phải thu lãi ứng tiền hàng	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	534.978.663.557
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	59.786.918.629

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
CÔNG NỢ PHẢI THU	993.243.050.135	422.557.250.931

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

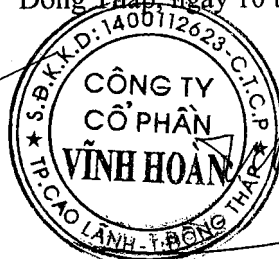
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cp thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền cổ tức	-	6.995.004.000
Phải thu nguyên vật liệu cho mượn	-	-
Phải thu tiền hàng thu hộ	-	-
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải thu tiền cho vay	63.567.791.129	38.666.684.400
Phải thu lãi cho vay	768.175.681	821.750.103
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	8.316.763.768	5.161.777.532
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	679.993.704.286	370.249.755.654
Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.682.726.710	-
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	533.043.825
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5		
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	33.000.000	129.235.417
Phải thu tiền cho vay	199.700.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	3.208.333.333	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu ứng trước tiền hàng UTXK	6.546.369.994	-
Phải thu tiền hàng	27.426.185.234	-
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ	35.569.227.385	163.400.231.696
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	33.229.008.734	58.487.601.640
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả tiền chi hộ	1.893.240	1.893.240
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.338.325.411	3.975.834.292
Phải trả tiền hàng	-	2.556.362.241
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng	-	6.318.544.967
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	92.059.995.316

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 11 năm 2014



Hà TPT Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc